

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 30/4/ 2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-70mm, có nơi cao hơn.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%.</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 56%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 03/2026 tăng so với tháng trước do chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 96%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 03 biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN 31% cùng kỳ.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, có nơi cao hơn 200mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tiếp tục tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%.</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô cao hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 54%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế giảm so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 50%.</p> <p>+ Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 04 sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức thấp hơn TBNN 26% cùng kỳ.</p>

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 3 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 293% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Lục Nam lưu lượng nước đến biến đổi chậm xu thế xuống dần; tổng lượng dòng chảy tháng 3 tại trạm Chũ ở mức tương đương TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-120mm, có nơi cao hơn 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 04/2026: Dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 232%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức thấp hơn TBNN 33%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Phổ biến 20-40mm, có nơi cao hơn; từ Quảng Trị đến Huế phổ biến 120-300mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 03/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 31%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 33%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 41%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 62%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 03, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 529%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 4/2026, lưu lượng dòng

chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 14%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn khoảng 15%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 75%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 04/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 399%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300mm, riêng Quy Nhơn: 54mm, An Khê: 16mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 03, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 141%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 158%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm và có xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 32%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 25%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 78%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 74%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 64% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 30-80mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 04/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 174%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 165%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng

Sơn ở mức thấp hơn 37%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 37% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 15mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 3, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm dần và đều ở mức thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 41%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 25%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-80mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, **lưu lượng dòng chảy đến các sông Đăkbla tại trạm Kon Tum biến đổi theo xu thế tăng so với tháng trước do ảnh hưởng đập tràn Bạch Đằng đóng cửa xả**, lưu lượng dòng chảy trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn so với tháng trước. **Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 24%**, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.

+ Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 52%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 21%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/05/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 30/4/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	72	<14	120-220	<5-25
	Sơn La	22	<60	80-130	<5-25
	Hòa Bình	5	<87	50-100	<5-25
	Lào Cai	52	<21	90-150	<5-25
	Yên Bái	27	<63	80-140	<5-25
	Tuyên Quang	16	<71	80-140	<5-25
	Hà Giang	69	<10	70-120	<10-30
	Láng	32	<43	50-100	<10-30
	Thái Bình	6	<88	50-100	<10-30
	Nam Định	2	<97	50-100	<10-30
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	31	<48	50-100	<10-30
	Thái Nguyên	44	<39	70-120	<10-30
	Bắc Ninh	92	>93	50-100	<10-30
	Lạng Sơn	39	<38	50-100	<10-30
	Bắc Giang	10	<83	50-100	<10-30
	Hải Dương	32	<38	50-100	<10-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hội Xuân	30	<29	50-100	<10-30
	Bái Thượng	41	<29	40-80	<10-30
	Thanh Hóa	4	<90	30-70	<10-30
	Quỳ Châu	7	<80	40-80	<10-30
	Cửa Rào	47	>23	30-70	<10-30
	Đô Lương	18	<64	30-70	<15-35
	Vinh	25	<50	30-60	<15-35
	Hương Sơn	32	<56	40-80	<20-40
	Hương Khê	24	<64	40-80	<20-40
	Hà Tĩnh	43	<39	40-80	<20-40
	Đông Hới	40	<7	30-60	<20-40
	Quảng Trị	119	>185	30-60	<20-40
	Nam Đông	310	>373	70-120	<10-30
	Huế	208	>250	40-70	<10-30
Lưu vực sông	Đà Nẵng	157	>334	30-50	<10-30

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Trà My	337	>241	80-140	<10-30
	Ba Tơ	182	>100	40-80	<20-40
	Quảng Ngãi	142	>184	30-50	<20-40
	Quy Nhơn	57	>64	20-40	<20-40
	An Khê	16	<26	30-50	<20-40
	Tuy Hòa	151	>294	30-50	<20-40
	Nha Trang	121	>210	20-40	<20-40
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	13	<74	80-130	Xấp xỉ
	Lắk	0	<99	30-70	<5-25
	Buôn Mê Thuột	10	<62	40-80	<5-25
	Biên Hòa	15	<63	40-70	<10-30
	Cần Thơ	0	<100	20-40	<10-30

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

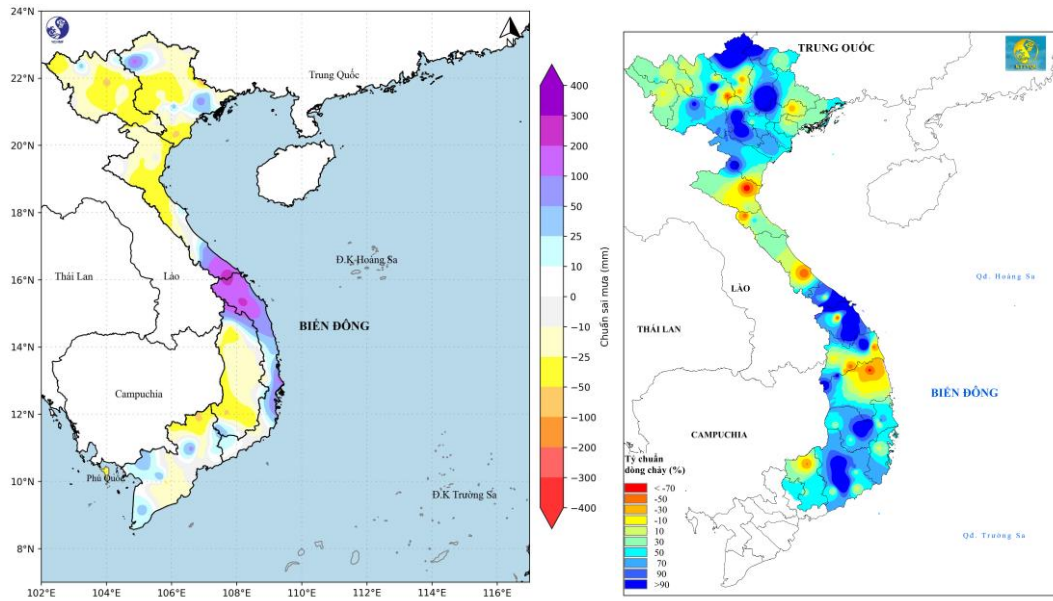
Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	132	<73	156	<75
Lô	Tuyên Quang	W	298	<56	402	<54
Đà	Hồ Hòa Bình	W	2274	>96	1944	>50
Hồng	Hà Nội	W	3027	>31	3370	<26
Cầu	Gia Bảy	W	216	>293	253	>232
Lục Nam	Chũ	W	11	>3	14.96	<33
Mã	Cầm Thủy	W	450	> 31	397	> 14
Cả	Yên Thượng	W	629	> 33	508	> 15
La	Hòa Duyệt	W	163	> 41	108	~ TBNN
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	80	> 529	60	> 399
Thu Bồn	Nông Sơn	W	723	> 141	630	> 174
Trà Khúc	Sơn Giang	W	501	> 158	404	> 165
Ba	Củng Sơn	W	99	<25	65	<37
Cái N,T	Đồng Trăng	W	110	>78	78	>37

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
ĐăkBlá	KonTum	W	53	< 41	62	< 24
Srêpôk	Giang Sơn	W	66	> 25	45	< 15
Tiền	Tân Châu	W			11775	> 52
Hậu	Châu Đốc	W			1464	> 21

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/03/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (mm) so với TBNN

Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN